

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình
thuộc dự án: Bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư vùng biên giới huyện Sa Thầy

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng, số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư vùng biên giới huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của UBND huyện Sa Thầy tại Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 19/01/2016 về việc trình phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư vùng biên giới huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (kèm theo ý kiến thẩm định của Sở Giao thông Vận tải tại các Công văn số 2452/SGTVT-QLKCHT ngày 30/12/2015, số 2457/SGTVT-QLKCHT ngày 31/12/2015 và Sở Xây dựng tại các Công văn số 1041/SXD-QLNHTKT ngày 28/12/2015, số 1062/SXD-QLNHTKT ngày 31/12/2015 và Sở Công thương tại Công văn số 2030/SCT-QLNL ngày 30/12/2015),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư vùng biên giới huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

2. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật;
- Cấp công trình: Từ cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.
4. Chủ đầu tư: UBND huyện Sa Thầy.
5. Đơn vị khảo sát, lập thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng cầu đường Kon Tum.
6. Quy mô xây dựng và giải pháp thiết kế công trình chủ yếu:
 - 6.1 Hợp phần công trình giao thông: Tổng chiều dài tuyến $L = 5.619,06\text{m}$ trong đó:
 - 6.1.1 Đường nội bộ khu dân cư gồm 02 tuyến:
 - a) Tuyến số 1 từ Km0 - Km0+681,26 với chiều dài $L = 681,26\text{m}$
 - Cấp đường: Cấp A (theo TCVN 10380:2014);
 - Tốc độ thiết kế: 20km/h;
 - Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất: $R_{\min} = 30\text{m}$ (châm chước $R_{\min} = 15\text{m}$);
 - Độ dốc dọc tối đa $I_{\max} = 11\%$ (châm chước 15%);
 - Bề rộng nền đường $B_n = 6\text{m}$;
 - Bề rộng mặt đường $B_m = 3,5\text{m}$ (tại vị trí đường cong mở rộng theo quy định);
 - Bề rộng lề đường $B_l = 2 \times 1,25 = 2,5\text{m}$;
 - Kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng M300 đá 1x2 dày 18cm, lót 01 lớp giấy dầu trên lớp cấp phối đá dăm loại I Dmax25 dày 15cm;
 - Kết cấu lề đường: Như kết cấu mặt đường;
 - Độ dốc ngang mặt đường, lề gia cố: $I_n = 2\%$;
 - Độ dốc mái taluy nền đường đào 1/0,75 - 1/1; nền đắp: 1/1,5;
 - Công trình thoát nước:
 - + Thoát nước ngang bằng cống bản, cống tròn D100, D150, kết cấu bằng bê tông và bê tông cốt thép. Tần suất lũ thiết kế $P = 10\%$;
 - + Thoát nước dọc: Thiết kế rãnh dọc hình thang kích thước (40x40x120)cm gia cố bằng bê tông xi măng.
 - b) Tuyến số 2 có chiều dài $L = 864,6\text{m}$, quy mô đầu tư như tuyến số 01 nhưng không đầu tư kết cấu mặt đường, gia cố rãnh dọc.
 - 6.1.2 Đường đi khu sản xuất: Gồm 02 tuyến, tuyến số 1 từ lý trình Km0+681,26 - Km1+719,08 với chiều dài $L = 1.037,82\text{m}$ và tuyến số 3 với chiều dài $L = 3035,38\text{m}$; có quy mô đầu tư như sau:
 - Cấp đường: Cấp C (theo TCVN 10380:2014);
 - Tốc độ thiết kế: 15km/h;
 - Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất: $R_{\min} = 15\text{m}$;

- Độ dốc dọc tối đa $I_{max} = 15\%$;
 - Bề rộng nền đường $B_n = 3m$;
 - Bề rộng mặt đường $B_m = 2m$;
 - Bề rộng lề đường $B_l = 2 \times 0,5 = 1m$;
 - Kết cấu mặt, lề đường bằng đất;
 - Độ dốc ngang: $I_n = 4\%$;
 - Độ dốc mái taluy nền đường đào 1/1; nền đắp: 1/1,5;
 - Công trình thoát nước:
 - + Thoát nước ngang bằng cống bản, cống tròn $\Phi 100$, $\Phi 150$, kết cấu bằng bê tông và bê tông cốt thép, tần suất lũ thiết kế $P = 10\%$;
 - + Thoát nước dọc: Thiết kế rãnh dọc hình thang kích thước $(40 \times 40 \times 120)cm$ đào trần không gia cố.
 - Nút giao: Thiết kế vuốt nổi đảm bảo êm thuận tại các vị trí giao cắt.
 - Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế cọc tiêu, biển báo theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012/BGTVT.
 - Công trình cầu: Thiết kế 01 cầu treo qua sông Đăk Hơ Rai đi khu sản xuất theo Thông tư số 11/2014/TT-BGTVT ngày 29/4/2014 của Bộ Giao thông Vận tải với thông số kỹ thuật chính như sau:
 - + Cầu treo dây võng 01 nhịp, chiều dài nhịp: $L = 107,1m$;
 - + Bề rộng cầu: $B = 1,5m$;
 - + Tần suất tính toán $P=1\%$ kết hợp mực nước lũ lịch sử lớn nhất;
 - + Tải trọng thiết kế: $300kg/m^2$;
 - + Cáp chủ gồm 02 sợi bằng thép cường độ cao, đường kính $D46mm$.
- 6.2 Hợp phần công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật
- a) San ủi mặt bằng để bố trí đất ở cho dân:
- Dọc hai bên tuyến đường nội bộ khu dân cư san ủi mặt bằng để bố trí dân cư.
 - Diện tích san ủi bố trí cho người dân: $500m^2/hộ$ gia đình.
- b) Xây dựng Trường Mầm non:
- Đầu tư xây dựng mới 01 Trường mầm non để phục vụ cho việc dạy và học cho con em của 100 hộ gia đình.
 - Quy mô xây dựng: $168,48m^2/02$ phòng học và khu vệ sinh.
- c) Đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt
- Nguồn nước: Nguồn nước mặt từ sông Đăk Hơ Rai.
 - Đầu tư hệ thống trạm bơm, bể lắng, lọc, hệ thống đường ống HDPE cấp nước. Cụm bể lắng lọc đặt tại nơi cao nhất của khu bố trí sắp xếp dân cư, lợi dụng địa hình dốc về một phía từ đầu đến cuối khu dân cư để bố các tuyến đường ống dọc theo các tuyến đường giao thông nội bộ để cấp nước tự chảy cho các dân.

6.3 Hợp phần công trình công nghiệp:

Đầu tư mạng lưới điện hạ thế 0,4kV chạy dọc theo đường giao thông nội bộ khu dân cư và 01 trạm biến áp để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của nhân dân với giải pháp thiết kế như sau:

6.3.1. Tháo gỡ và xây dựng mới đường dây trung thế 22kV:

a) Quy mô tháo gỡ:

- Chiều dài tháo gỡ: 237m.
- Cột, móng trụ: sử dụng 02 trụ BTLT 10,5m và 02 móng MT1.
- Tháo gỡ xà, sứ và phụ kiện đường dây trung thế 22kV.

b) Quy mô xây dựng mới:

- Chiều dài xây dựng mới: 280m.
- Cột, móng trụ: sử dụng 07 trụ BTLT 12m; 03 móng MT1 và 02 móng MTD.
- Lắp đặt xà, sứ và phụ kiện đường dây trung thế 22kV theo quy định.
- Nối đất: sử dụng hệ thống tiếp địa RL-8.

6.3.2. Xây dựng mới đường dây hạ thế 0,4kV:

- Chiều dài xây dựng mới: 1,382km.
- Cột, móng trụ: sử dụng 37 cột BTLT 10,5m; 10 móng MTH-2 và 17 móng MTH-1.
- Lắp đặt xà, sứ và phụ kiện đường dây hạ thế 0,4kV theo quy định.
- Nối đất: sử dụng hệ thống tiếp địa RL-8.

6.3.3. Trạm biến áp:

- Vị trí đấu nối: tại trụ BT-382A thuộc đường dây 22kV-XT473-E45 Kon Tum.
- Nối đất: Sử dụng hệ thống tiếp địa RL-32.

6.3.4. Công tơ và đường dây sau công tơ cấp điện hộ gia đình:

- Số lượng công tơ lắp đặt: 101, trong đó: 97 công tơ 01 pha và 04 công tơ 03 pha sản xuất.

- Loại công tơ: Công tơ 01 pha sử dụng loại CT3/9A, CT5/20A và coopng tơ 03 pha sử dụng loại CT20/60A.

- Hòm công tơ: sử dụng hòm 01 công tơ, 02 công tơ và 04 công tơ.

7. Tổng dự toán công trình: 33.080.907.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng	23.989.553.000	đồng
- Chi phí thiết bị	285.242.000	đồng
- Chi phí QLDA	428.340.000	đồng
- Chi phí TVĐTXD	2.304.992.000	đồng
- Chi phí khác	1.903.801.000	đồng
- Chi phí dự phòng	4.168.979.000	đồng

8. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định dân cư và các nguồn vốn hợp pháp khác (theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh).

Điều 2. Tổ chức thực hiện: UBND huyện Sa Thầy (chủ đầu tư).

- Thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và các nội dung được duyệt tại Điều 1 của Quyết định này;

- Tổ chức kiểm tra, rà soát hồ sơ so với thực tế hiện trường; trường hợp phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế thì tổ chức điều chỉnh theo quy định;

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu, thanh toán theo khối lượng thực tế và các quy định hiện hành.

Điều 3. Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, Tài chính, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh, UBND huyện Sa Thầy và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Chủ tịch và các PCT tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN7.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy